TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2025
"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thảo và bà Trần Thị Kia.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A - Gia Lai.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A - Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Phà K, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ C, phường A, tỉnh Gia Lai (trước đây Tổ C, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai). Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Hồng Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ C, phường A, tỉnh Gia Lai (trước đây Tổ C, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa chị Phan Thị Phà K trình bày: Tôi và anh Trần Hồng Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường E, Quận B, (nay là phường B), TP . tại Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 17/4/2012. Sau khi cưới chúng tôi sống tại TP . một thời gian và không hợp và có xảy ra mâu thuẫn nên tôi đã chuyển về sinh sống tại Tổ C, phường T, thị xã A (nay là phường A), tỉnh Gia Lai, sau đó anh Q cũng về A, Gia Lai sinh sống. Chúng tôi tiếp tục có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm trong xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái nên mỗi người mỗi quan điểm và không còn quan tâm đến nhau. Chính vì thế vợ chồng không có hạnh phúc nên chúng tôi đã ly thân nhau, tôi ở cùng các con, còn anh Q ở riêng. Tôi đã suy nghĩ rất kỹ, chúng tôi không còn tình cảm vợ chồng nên không thể trở về có cuộc sống hạnh phúc được. Tôi giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q. Về con chung, chúng tôi có 03 con chung là Trần Đình P, sinh ngày 14/4/2013, Trần Ý

L, sinh ngày 19/01/2019, Trần Đình P1, sinh ngày 07/01/2021. Tôi yêu cầu được nuôi các con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Hồng Q có ý kiến tại Bản khai vào ngày 28/3/2025 có nội dung: Vợ chồng có mâu thuẫn không lớn nên mong muốn chị K rút đơn trở về đoàn tụ nuôi dạy các con. Nếu chị K không rút đơn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định. Về con chung thì có 03 con chung như chị K trình bày. Nếu như phải ly hôn thì anh Q đồng ý giao cả 03 con cho chị Ka N chứ không yêu cầu gì. Anh Q có đơn đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phan Thị Phà K yêu cầu ly hôn với anh Trần Hồng Q, địa chỉ trú tại phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Tranh chấp về ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A - Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Trần Hồng Q đã được Tòa án đã thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Phà K và anh Trần Hồng Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và chị K làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Q. Trong Bản khai vào ngày 28/3/2025 thì anh Q trình bày vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn và vì các con anh Q mong muốn chị K rút đơn chứ không ý kiến gì khác về việc cùng nhau chung sống với chị K để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên toà chị Ka giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q và trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm và không còn tôn trọng nhau. Xét thấy, chị K và anh Q có mâu thuẫn và hiện nay đã không còn chung sống với nhau, do vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị K được ly hôn với anh Q là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị K và anh Q có 03 con chung tên Trần Đình P, sinh ngày 14/4/20A, Trần Ý L, sinh ngày 19/01/2019, Trần Đình P1, sinh ngày 07/01/2021, chị K yêu cầu được nuôi các con. Trong bản khai, anh Q đồng ý giao 03 con để chị Ka nuôi. Qua tham khảo ý kiến của cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, giao cho chị K nuôi 03 con là cháu Trần Đình P, sinh ngày 14/4/2013, Trần Ý L, sinh ngày 19/01/2019 và Trần Đình P1, sinh ngày 07/01/2021cho đến khi trưởng thành và tự lực được là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Phà Ka .

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Phà K được ly hôn với anh Trần Hồng Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phan Thị Phà K trực tiếp nuôi con là cháu là Trần Đình P, sinh ngày 14/4/2013, Trần Ý L, sinh ngày 19/01/2019 và Trần Đình P1, sinh ngày 07/01/2021 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Phà K không yêu cầu anh Trần Hồng Q, cấp dưỡng nuôi con chung.

- Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Phà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006532 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Gia Lai). Chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, anh Trần Hồng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2025) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để

yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực A-Gia Lai;
- Cơ quan THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND phường B, TP.HCM (Để ghi vào Sổ hộ tịch; Kết hôn số 42 ngày 17/4/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn